

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2023/HNGĐ-PT

Ngày: 01-6-2023

Về việc ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Phan Ngọc Hoàng Đình Thục

Các Thẩm phán: bà Phùng Thị Cẩm Hồng

ông Trần Tấn Quốc

- Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Thị Mỹ Linh – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Cẩm Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 15/2023/TLPT-HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2023 về việc “Ly hôn”.

Do Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 64/2023/HNGĐ-ST ngày 10 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An bị kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2023/QĐ-PT ngày 17 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* bà Huỳnh Thị Bé M, sinh năm 1999; địa chỉ: Ấp 2, xã T, huyện Đ, tỉnh Long An.

- *Bị đơn:* ông Nguyễn Bắc T, sinh năm 1996; địa chỉ: số 238 E Khu vực D, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Long An.

- *Viện kiểm sát kháng nghị:* Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 03/01/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm, nguyên đơn, bà Huỳnh Thị Bé M trình bày:

Bà và ông Nguyễn Bắc T chung sống và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Đức Hòa, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An vào ngày 11/11/2021. Sau khi kết hôn, thời gian đầu bà và ông T sống hạnh phúc nhưng về sau thì phát sinh mâu

thuần ngày càng nhiều. Từ tháng 5/2022 cho đến nay, bà và ông T không còn sống chung, do mục đích hôn nhân không đạt được nên bà xin được ly hôn với ông T.

Bà và ông T có một con chung tên Nguyễn Phúc T, sinh ngày 14/11/2021. Khi ly hôn, bà đồng ý giao con cho ông T nuôi dưỡng và bà không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn, ông Nguyễn Bắc T đã được Tòa án cấp sơ thẩm triệu tập hợp lệ nhưng không gửi ý kiến gì về việc giải quyết vụ án cho Tòa án.

Tại Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 64/2023/HNGĐ-ST ngày 10 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An đã xử:

1. Về hôn nhân: bà Huỳnh Thị Bé M được ly hôn với ông Nguyễn Bắc T.

2. Về con chung: ông Nguyễn Bắc T được tiếp tục nuôi con chung tên Nguyễn Phúc T, sinh ngày 14/11/2021. Bà M không phải cấp dưỡng nuôi con vì ông T không yêu cầu. Vì quyền lợi của trẻ, Bà M được đến thăm nom chăm sóc giáo dục con chung, ông T và các thành viên trong gia đình của ông không được quyền cản trở. Khi cần thiết, ông T có quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, Bà M cũng có quyền xin thay đổi tình trạng nuôi con.

3. Về tài sản: không có

4. Về nợ chung: không có

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền và thời hạn kháng cáo của các đương sự, việc thi hành án theo quy định của pháp luật.

Tại Quyết định kháng nghị số 49/QĐ-VKS-DS ngày 30/3/2023 Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An đề nghị sửa một phần bản án sơ thẩm về tài sản chung và nợ chung.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Nguyên đơn, bà Huỳnh Thị Bé M và bị đơn, ông Nguyễn Bắc T có đơn xin xét xử vắng mặt.

Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Tòa án cấp phúc thẩm chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An đủ điều kiện để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Về nội dung kháng nghị: Kiểm sát viên giữ nguyên kháng nghị, đề nghị Hội đồng xét xử sửa một phần của bản án sơ thẩm về cách tuyên án về phần tài sản chung và nợ chung vì vượt quá phạm vi khởi kiện của đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An thực hiện đúng theo quy định tại Điều 278, Điều 279 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Việc vắng mặt của nguyên đơn, bà Huỳnh Thị Bé M và bị đơn, ông Nguyễn Bắc T thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự, nên Tòa án vẫn xét xử phúc thẩm vụ án.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm, Kiểm sát viên giữ nguyên kháng nghị về phần tài sản chung và nợ chung của bản án sơ thẩm. Căn cứ Điều 293 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét lại hai phần nội dung này của bản án sơ thẩm.

[4] Hồ sơ vụ án thể hiện, theo đơn khởi kiện ghi ngày 03/01/2023, bà Huỳnh Thị Bé M xác định về tài sản chung, nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết (bút lục số 17). Tại phần quyết định của bản án sơ thẩm đã tuyên xử về tài sản chung và nợ chung của Bà M và ông T không có, là vượt quá phạm vi đơn khởi kiện của Bà M theo quy định tại khoản 1 Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự; đồng thời sẽ ảnh hưởng nghiêm trọng đến việc thực hiện quyền tố tụng của đương sự khác trong trường hợp phát sinh tranh chấp về tài sản và nợ (nếu có), theo điểm c khoản 1 Điều 192 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An là có căn cứ. Lẽ ra, trong trường hợp này, Tòa án cấp sơ thẩm chỉ cần nhận định về việc các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ, không ghi trong phần quyết định của bản án sơ thẩm. Tuy nhiên, do Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên xử, nên cần sửa cách tuyên án phần này của bản án sơ thẩm, không giải quyết phần tài sản chung và nợ chung.

[5] Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm thì có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.
2. Chấp nhận toàn bộ kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An.
3. Sửa một phần Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 64/2023/HNGĐ-ST ngày 10 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An về cách tuyên án về phần tài sản chung và nợ chung.
4. Không giải quyết phần tài sản chung và nợ chung của bà Huỳnh Thị Bé M và ông Nguyễn Bắc T do các đương sự không có yêu cầu khởi kiện.
5. Về hướng dẫn thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Về hiệu lực của bản án: Bản án phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án là ngày 01/6/2023 (ngày một tháng sáu năm hai nghìn không trăm hai mươi ba)./.

Nơi nhận:

- TANDCC;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện Đức Hòa;
- Chi cục THADS huyện Đức Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu HS; AV./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Ngọc Hoàng Đình Thục

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Ngọc Hoàng Đình Thục